

## **BOOK SUMMARY**

**Vie - Eng**

**Những ngã rẽ nghề nghiệp - There is life after college**

**by Jeffrey J. Selingo**

### **Mục lục - Contents**

<b>Giới thiệu - Introduction</b>	<b>2</b>
<b>Chương 1 - Chapter 1</b>	<b>5</b>
<b>Chương 2 - Chapter 2</b>	<b>9</b>
<b>Chương 3 - Chapter 3</b>	<b>12</b>
<b>Chương 4 - Chapter 4</b>	<b>14</b>
<b>Chương 5 - Chapter 5</b>	<b>16</b>
<b>Chương 6 - Chapter 6</b>	<b>18</b>
<b>Chương 7 - Chapter 7</b>	<b>20</b>
<b>Chương 8 - Chapter 8</b>	<b>21</b>
<b>Chương 9 - Chapter 9</b>	<b>22</b>
<b>Chương 10 - Chapter 10</b>	<b>25</b>

# Giới thiệu - Introduction

<p style="text-align: center;"><b>Vietnamese</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Những ngã rẽ nghề nghiệp</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>English</b></p> <p style="text-align: center;"><b>There is life after college</b></p>
<p><b>Giới thiệu</b></p> <p>☞ Trước kia, bằng đại học được coi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là tấm vé đảm bảo cho một công việc ổn định sau khi ra trường và một sự nghiệp thành công.</li> <li>- Những mối quan tâm của sinh viên và phụ huynh chỉ xoay quanh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm thế nào để được nhận vào trường?</li> <li>+ Cách trả học phí?</li> <li>+ Chọn đúng ngành học?</li> </ul> </li> <li>- Hiếm khi sinh viên quan tâm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Môi trường đại học có thể cung cấp đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để sống sót trong thế giới công sở?</li> </ul> </li> <li>- Nhà tuyển dụng dùng bằng đại học để nhận biết tiềm năng và kỷ luật của ứng viên.</li> </ul> <p>Bây giờ, bằng đại học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phổ biến như tấm bằng cử nhân.</li> <li>- Ít được nhà tuyển dụng tin tưởng khi nó không thể hiện sự sẵn sàng làm việc của ứng viên.</li> <li>- Gần một nửa số sinh viên tốt nghiệp đại học không tìm được công việc xứng đáng.</li> <li>- Tình trạng thất nghiệp của thế hệ trẻ đang tăng lên mức độ chưa từng có trong 4 thập kỷ qua (khoảng 9% trong số sinh viên mới tốt nghiệp dưới 25 tuổi).</li> <li>- Với sinh viên có việc, mức lương trung bình với bằng cử nhân giảm 10%.</li> <li>- Bình thường mới: một tấm bằng đại học là cần thiết để tìm được bất kỳ công việc nào, chứ không chỉ là công việc lương cao và đòi hỏi nhiều kỹ năng.</li> <li>- Nhà tuyển dụng phàn nàn rằng những sinh viên mới tốt nghiệp gần đây không có khả năng tự đưa ra quyết định trong công việc.</li> <li>- Hầu hết những người ở độ tuổi 20 không tìm được công việc mơ ước sau khi tốt nghiệp.</li> <li>- Nhiều sinh viên mới tốt nghiệp đại học đang lướt qua tuổi 20 mà không có một kế hoạch</li> </ul>	<p><b>Introduction</b></p> <p>☞ Before, a college degree was:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- The ticket to a solid first job after graduation, followed by a successful career.</li> <li>- The concerns of students and parents revolve around: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ How to get accepted into the school?</li> <li>+ How to pay tuition?</li> <li>+ Choose the right major?</li> </ul> </li> <li>- Rarely do students care about: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Can the university environment provide enough knowledge and skills necessary to survive in the workplace world?</li> </ul> </li> <li>- Employers use college degrees to identify candidates' potential and discipline.</li> </ul> <p>Now, university degree:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- As popular as a bachelor's degree.</li> <li>- It is less trusted by employers when it does not demonstrate the candidate's willingness to work.</li> <li>- Nearly half of college graduates cannot find a rewarding job.</li> <li>- Unemployment among the younger generation is rising to levels unprecedented in the past four decades (about 9% of new graduates are under 25 years old).</li> <li>- For students with jobs, the average salary with a bachelor's degree decreases by 10%.</li> <li>- The new normal: a college degree is necessary to find any job, not just a high-paying, skill-intensive job.</li> <li>- Employers complain that recent college graduates are unable to make independent decisions on the job.</li> <li>- Most twentysomethings don't end up with their dream job after graduation.</li> <li>- Many new college graduates drifting through their twenties without a plan.</li> </ul>

nào trong tay.

- ¼ số người ở độ tuổi 20 đang làm một công việc không lương chỉ để thể hiện họ có kinh nghiệm làm việc. 1/10 số người coi công việc hiện tại của mình là sự nghiệp.
- Sinh viên mới tốt nghiệp trì hoãn những dấu mốc của tuổi trưởng thành: hoàn thành chương trình học, rời khỏi gia đình, kết hôn và sinh con.
- Những công việc tạm thời ngày càng phổ biến và các công ty có xu hướng tuyển dụng những lao động tự do ngắn hạn.
- Nhiều người trẻ trở về nhà sau thời gian học đại học, sống trong tầng hầm ngôi nhà của cha mẹ - được gọi là "thế hệ boomerang" - như những chiếc boomerang được ném đi lại trở lại nơi ban đầu.

👉 Cuốn sách trả lời cho những câu hỏi:

- Nếu trường đại học đang trải qua vô số thay đổi lớn lao, vậy thế hệ trẻ có thể đi theo những con đường mới nào để chuẩn bị cho sự nghiệp và tìm được những công việc quan trọng đầu tiên trong cuộc đời?
- Người trẻ phải làm gì để định vị con đường từ trung học đến đại học và bước vào nền kinh tế ngày càng nhiều nguy cơ?
- Họ cần có những kinh nghiệm nào để thành công trong thị trường lao động?
- Những kỹ năng nào được chứng minh là hữu ích nhất?
- Nếu ngay cả những sinh viên mới tốt nghiệp này cũng phải vật lộn thì những người không có nền tảng tốt thì sao?
- Tại sao có những người thành công trong khi người khác lại không?

Để tìm kiếm câu trả lời, tác giả đã tham gia dự án Millennial Trains Project (Những chuyến tàu của thanh niên thế kỷ XXI):

- Chuyến đi bằng tàu hỏa xuyên đất nước với 24 sinh viên mới tốt nghiệp đại học, ở ngoài độ tuổi 20.
- Người tham gia sinh ra vào cuối những năm 1980.
- Mỗi người phải thuyết trình một dự án thực tế và khả thi trong hành trình từ San Francisco

- One out of four people in their twenties takes an unpaid job simply to show they have work experience, and only one out of ten considers their current job a career.
- Recent college graduates are starting their careers much later and are delaying the traditional markers of adulthood: completing school, leaving home, getting married, and having children.
- Temporary work is increasingly popular and companies tend to hire short-term freelance workers.
- Faced with unemployment or temp jobs with low wages in a "gig economy," many young adults are returning home after college to live in their parents' basement, earning the moniker "the boomerang generation."

👉 The book answers the questions:

- If colleges were undergoing massive changes, were there new pathways emerging to prepare for a career and land those crucial first jobs in life?
- How can young adults navigate the route from high school through college and into an increasingly perilous economy?
- What are the fundamental experiences that shape their success in the job market?
- What skills proved most helpful?
- If these recent graduates were struggling, what about those who didn't have their pedigrees?
- Why do some prosper while others fail?

To find the answer, the author joined the project called Millennial Trains Project:

- A cross-country train trip with some two dozen recent college graduates who were asking many of the same questions themselves. The project is called.
- Attendants born mostly in the late 1980s.
- Each of them pitched a real-world project to explore while they traveled from San Francisco to Washington, D.C.

đến Washington D.C.

- Tại điểm dừng chân ban ngày suốt chặng đường, họ sẽ tiến hành nghiên cứu tại cộng đồng địa phương.
- Ban đêm, họ sẽ tham gia những buổi trò chuyện cùng các diễn giả khách mời.

👉 Cuốn sách viết về:

- Cách chúng ta thay đổi suy nghĩ về cuộc sống sau đại học, về hành trình dẫn đến một sự nghiệp thành công - hành trình không theo đường thẳng mà mang tính cá nhân và độc nhất.
- Trong tương lai, chúng ta sẽ không còn bắt đầu chương trình giáo dục đại học ở tuổi 18 và kết thúc ở tuổi 22 nữa. Thay vào đó, đại học sẽ là nền tảng khởi đầu cho quá trình học tập trọn đời.
- Các chương trình giáo dục sẽ thiên về hướng “đúng lúc” hơn là “chỉ một lần”.
- Những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng ngày nay đang tìm kiếm.
- Tầm quan trọng của vị trí địa lý của trường đại học bạn theo học đến việc tích lũy các kinh nghiệm thực tế mà bạn cần để tìm được công việc phù hợp sau tốt nghiệp.
- Tương lai của nghề nghiệp, cách các công ty tuyển dụng, làm sao để những sinh viên tương lai có thể chuyển đổi kinh nghiệm và kỹ năng của họ thành công.

- In daylong stops along the way, they conducted research in local communities.
- They traveled by night, they heard from guest lecturers who hopped on board the train for an overnight journey.

👉 The book write about:

- Shifting how we think about life after college, about the trajectory toward a successful career—a journey that is not linear, but personal and unique.
- In the future, higher education for most people will become less of a phase we enter at eighteen years old and exit at twenty-two. Instead, college will be a starting platform for lifelong learning.
- More of our education will be “just in time” rather than “just one time.”
- The skills today’s employers are seeking.
- The important of the physical location of the college you attend in securing the hands-on experiences you need to get the right job after graduation.
- The future of work, how companies will hire, and how tomorrow’s college graduates can better translate their experiences and skills into a coherent story to succeed.

# Chương 1 - Chapter 1

## Chương 1: Người chạy nước rút, Người đi lang thang và Người không đi theo hàng lối

Con đường kéo dài mãi đến tuổi trưởng thành

- Người trẻ Mỹ: rời khỏi gia đình, đi học đại học, tốt nghiệp, rơi vào tình trạng thiếu tiền hoặc thiếu kinh nghiệm thực tế.

Vào những năm 1990, Jeffrey Jensen Arnett, một giáo sư tâm lý học ở Đại học Missouri, đã phỏng vấn những người trẻ trên khắp đất nước và kết luận:

- Giai đoạn của tuổi 18 và 25 là giai đoạn đặc biệt, phân chia giữa tuổi trưởng thành niên và tuổi trưởng thành trẻ.
- Giai đoạn này gọi là “chớm tuổi trưởng thành”
- “Chớm tuổi trưởng thành là giai đoạn cuộc đời khi những hướng đi khác nhau đều khả thi, khi tương lai gần như chưa được quyết định một cách chắc chắn, khi phạm vi khám phá độc lập của những khả năng trong cuộc sống đối với hầu hết mọi người lớn hơn bất kỳ giai đoạn nào khác trong cuộc đời”
- Giáo dục đại học là yếu tố lớn nhất quyết định việc liệu những người ở độ tuổi 20 có thể bắt đầu một sự nghiệp bền vững hay không.
- Điều đó vẫn đúng cho đến ngày nay. Nhưng ngày nay, chỉ có bằng đại học là không đủ để phân biệt người thành công với người đang lang thang vô định trong cuộc đời.
- Người chớm tuổi trưởng thành ngày nay thực hiện sự chuyển tiếp từ đại học lên sự nghiệp theo một trong ba cách: họ có thể là Người chạy nước rút, Người đi lang thang và Người không đi theo hàng lối trong cuộc đua đến tuổi trưởng thành.

### Người chạy nước rút: sự đầu tư vào vốn con người được đền đáp.

Những người chạy nước rút nhanh chóng bắt đầu ngay từ khi bước ra khỏi cổng trường đại học:

- Có công việc hoàn hảo đang xếp hàng chờ.
- Tập trung vào mục đích của họ.
- Chuyển qua các công việc khác nhau để leo lên những nấc thang trong sự nghiệp.

## Chapter 1: The sprinters, wanderers, and stragglers

The Ever-Lengthening Road to Adulthood

- Young Americans today: go off to college, drift through the years after college graduation, often short of money or any real plan.

In the 1990s, Jeffrey Jensen Arnett, a psychology professor at the University of Missouri, interviewed young people around the country and determined:

- This period between ages eighteen and twenty-five was a distinct stage separate from both adolescence and young adulthood.
- A new term for this slice of life: “emerging adulthood.”
- “Emerging adulthood is a time of life when many different directions remain possible, when little about the future has been decided for certain, when the scope of independent exploration of life’s possibilities is greater for most people than it will be at any other period of the life course.”
- For them, a college education is the biggest determinant of whether twentysomethings launch into a sustaining career or not.
- That’s still true. But it’s not just the college degree that separates the successful from the drifters these days.
- Today’s emerging adults make that transition from college to a career in one of three ways: they are either Sprinters, Wanderers, or Stragglers in the race to adulthood.

### The Sprinters: Investments in Human Capital Pay Off

Start fast right out of the gate from college:

- Have perfect jobs lined up.
- Focus on their goal.
- Moving from job to job quickly up the career ladder.
- Collect the right internships and postgraduate

- Tích lũy kinh nghiệm phù hợp qua các chương trình thực tập hoặc sau đại học.

Đây là những điều tạo nên điểm sáng trong bản lý lịch để họ có thể sẵn sàng nắm lấy cơ hội khi nó xuất hiện.

☞ Có 1/3 số người ở độ tuổi 20 là những người chạy nước rút. Họ có một số điểm chung:

- Có một công việc khi còn học trung học (cho dù với mức lương tối thiểu).
- Hiểu về sắc thái và yêu cầu cơ bản của nơi làm việc (ví dụ như có mặt đúng giờ).
- Chọn một chuyên ngành học từ sớm.
- Dành thời gian tham gia các hoạt động ngoài giờ học, ví dụ như các dự án nghiên cứu hoặc chương trình thực tập (79% tham gia ít nhất một chương trình thực tập trong thời gian học đại học).
- Có ít hoặc không có khoản nợ tín dụng dành cho sinh viên nào. Điều đó cho phép họ được tự do chọn lựa những cơ hội công việc không ràng buộc bởi khoản nợ phải trả.
- Hầu hết được gia đình sẵn sàng hỗ trợ - về mặt tài chính hoặc đơn giản là những lời động viên.

☞ Tình trạng nhảy việc ở những người chạy nước rút:

- Nhận ra rằng những năm tháng của độ tuổi 20 là thời gian xứng đáng nhất để chấp nhận rủi ro và thử nghiệm những điều mới mẻ. Do đó, họ không cảm thấy sợ hãi với việc thường xuyên thay đổi công việc. (Một người Mỹ trung bình làm tám công việc trong khoảng thời gian từ 18 đến 29 tuổi).
- Khái niệm "mua sắm việc làm" - đề xuất bởi Henry Siu, phó giáo sư của Trường Kinh tế Vancouver thuộc Đại học British Columbia, là thành viên của nhóm các nhà kinh tế học đã nghiên cứu dữ liệu thất nghiệp của nước Mỹ trong hơn 30 năm.
- Sự di động của một người trong những năm tuổi 20 càng lớn thì sau này họ càng kiếm được nhiều tiền hơn, khi mà họ có ít khả năng thay đổi hoặc không thể dễ dàng từ bỏ những kỹ năng đã học hỏi được.
- Nhưng, nhiều người chớm tuổi trưởng thành thiếu sự linh hoạt về tài chính để thay đổi công

experiences.

These are key markers to their résumés so they are ready to pounce when the right opportunity comes along.

☞ Only onethird of twentysomethings are Sprinters. They share several attributes:

- Had a job in high school (even at minimum wage).
- Understand the nuances and basic requirements of the workplace (such as showing up on time).
- Picked a major early on in college and stuck with it.
- Spend dedicate time to outside-the-classroom pursuits, such as research projects or internships (79% had at least one internship in college).
- Have little or no student loan debt, freeing them to pick job opportunities without regard to pay.
- Most came from families willing to support them—many with financial help, others with simple encouragement.

☞ Job changing in Sprinters:

- Recognized that the early twenties are the best time to take risks and try new things. Unafraid to change jobs frequently in their twenties. (The average American holds eight different jobs between the ages of eighteen and twenty-nine).
- The concept of "job shopping" - proposed by Henry Siu, an associate professor at the Vancouver School of Economics at the University of British Columbia, was part of a team of economists that examined more than thirty years of unemployment data in the United States.
- Increased mobility in a person's twenties leads to higher earnings later on in life, when people are less able to move or can't easily abandon the skills they have learned.
- Unfortunately, a growing number of emerging adults lack the financial flexibility to change

việc hoặc chấp nhận những vị trí lương thấp.  
Do khoản vay sinh viên.

+ Trung bình các sinh viên trong một lớp học tốt nghiệp năm 2014 rời đi với khoản nợ 33.000 đô-la.

+ Ảnh hưởng của những khoản nợ sinh viên đối với các quyết định trong sự nghiệp ngày càng lớn.

+ Năm 1989, chỉ 17% số người ở độ tuổi 20 có những khoản nợ sinh viên, trong khi ngày nay là 42%.

+ "Càng có nhiều khoản nợ sinh viên, bạn sẽ càng khó có thể sống hạnh phúc"

(Công ty thăm dò ý kiến Gallup - đơn vị đo lường lợi ích theo năm tiêu chí, bao gồm tài chính, thể chất và mục đích trong cuộc đời).

- Không phải sự phù hợp, hạnh phúc hay thăng tiến trong sự nghiệp, mà chính tiền lương là yếu tố quyết định trong việc lựa chọn nghề nghiệp.

### **Người đi lang thang: Người bước đi cà nhắc đến một sự nghiệp**

#### **Người đi lang thang:**

- 32% số người trẻ tuổi.
- Ở tuổi 18, họ không chắc chắn về việc mình muốn làm trong cuộc đời. Họ để mặc bản thân cho cha mẹ và chuyên gia định hướng.
- ¼ số sinh viên năm nhất thay đổi chuyên ngành của họ vào cuối năm học đầu tiên, và một nửa số sinh viên năm nhất nói rằng họ có kế hoạch thay đổi chuyên ngành.
- Một nửa số sinh viên hoàn thành chương trình cử nhân trong 4 năm. Những người lang thang có một sự khởi đầu muộn hơn khi họ tham gia vào thị trường lao động.
- Chấp nhận bất kỳ công việc được trả lương nào vì áp lực tài chính, hoặc quay trở về nhà vì nghĩa vụ gia đình.
- Một vài người không biết làm thế nào để bắt đầu một sự nghiệp hoặc bỏ qua những chương trình thực tập hoặc công việc.
- Một vài người quay trở lại trường học để lấy bằng:

jobs or to take low-paying positions that might be great career starters. Their problem?  
Student loans.

+ The average class of 2014 graduate left commencement day \$33,000 in debt.

+ This impact of student debt on career choices is a relatively recent occurrence.

+ In 1989, only 17 percent of twentysomethings had student debt; today, 42 percent do.

+ "The more student loan debt you have, the less likely you are to be thriving in your well-being" (The polling firm Gallup, which measures well-being on five metrics, including financial, physical, and having a purpose in life).

- Salary—not fit, happiness, or career advancement—becomes the driving decision in choosing a job.

### **The Wanderers: Stuttered Steps to a Career**

#### **The Wanderers:**

- 32% of young adults.
- At eighteen, they were unsure what they wanted to do in life. So they were relegated to the assembly line by parents and guidance counselors.
- A quarter of all freshmen change their major by the end of their first year, and half of first-year students say they plan to switch their field of study.
- Only about half of students finish a bachelor's degree in four years So Wanderers start behind before they even get into the job market.
- They settle for any paying job because of financial pressures, or they move back home because of family obligations.
- Some don't know how to get started in a career and bypass meaningful internships or jobs.
- Many recent college graduates do when they get stuck: go back to school for yet another degree.

- + Bằng thạc sĩ nhanh chóng trở thành hình thức bằng cử nhân mới.
- + Gần 30% sinh viên mới tốt nghiệp đại học quay trở lại trường trong vòng hai năm sau khi lấy bằng cử nhân.
- 85% trong số họ làm công việc không liên quan đến chuyên ngành sau khi tốt nghiệp.
- + Phần lớn sự tăng lương của người lao động thường diễn ra trong 10 năm đầu khi đi làm.
- + Ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong cuộc đời của những sinh viên mới tốt nghiệp như khả năng mua một căn nhà hoặc xu hướng sở hữu khoản vay tín dụng lớn.

Những Người lang thang lướt qua độ tuổi 20 của họ càng lâu thì đường chạy của họ càng dài và càng khó để bắt kịp.

**Người không đi theo hàng lối: đang lướt qua tuổi 20 của họ**

Người không đi theo hàng lối - những người dành độ tuổi 20 của mình để tìm kiếm những gì họ đáng phải làm.

Khoảng 1/3 những người trong độ tuổi 20 là những người không đi theo hàng lối.

Nhiều người trong số họ phải vật lộn để tìm ra những sự lựa chọn khả thi sau khi tốt nghiệp trung học để trưởng thành và khám phá sự nghiệp, hơn là việc chỉ đi học đại học.

Nếu đi học đại học, hầu hết họ phải vật lộn để hoàn thành, thậm chí rất nhiều người không hoàn thành được.

Chỉ 1/4 trong số họ tham gia chương trình thực tập trong thời gian đi học.

- + The master's degree is quickly becoming the new bachelor's degree.
- + Nearly 30 percent of recent graduates are back in school within two years of getting a bachelor's degree.
- Eighty-five percent of them after graduation begin working in a job unrelated to their major.
- + Perhaps most critical is that the bulk of a worker's salary increases tend to come in the first decade of employment.
- + Affect all aspects of life for college graduates, from their ability to purchase a home to the tendency to acquire excessive credit card debt.

The longer Wanderers drift through their twenties, the longer the runway becomes for them and the harder it becomes to catch up.

**The Stragglers: Drifting Through Their Twenties**

Those who spend much of their twenties looking for what they were meant to do.

One-third of those in their midtwenties are Stragglers.

Many of them struggle to find viable options after high school to mature and explore careers beyond just going to college.

If they go to college, most of them struggle to finish, and many don't at all.

Only one in four of them pursued an internship while in school.



## Chương 2 - Chapter 2

### Chương 2: Điều mà nền kinh tế cần, điều mà nhà tuyển dụng mong muốn

#### Những người định hình chữ I

- Người chỉ giỏi một chuyên môn nhất định.

#### Những người định hình chữ T

- Ý tưởng những người chữ T xuất hiện lần đầu tiên vào đầu những năm 1990.
- Thể hiện là một người có nhiều tài năng và kiến thức.
- Nét gạch dọc của chữ T thể hiện sự am hiểu sâu rộng của một người về một lĩnh vực khái quát (ví dụ như lịch sử).
- Nét gạch ngang của chữ T thể hiện khả năng làm việc được trong một môi trường có nhiều lĩnh vực phức tạp một cách dễ dàng và tự tin.

Nhu cầu về khả năng của những người định hình chữ T đã tăng cao hơn rất nhiều so với hai thập kỷ trước vì thế giới đã trở nên phức tạp hơn rất nhiều.

Nên mua lại một công ty khởi nghiệp hoặc tuyển dụng những người từ một công ty khởi nghiệp vừa thất bại, hơn là tuyển dụng những sinh viên vừa tốt nghiệp đại học. Vì:

- Người trải qua quá trình khởi nghiệp sở hữu nhiều kiến thức và kỹ năng làm việc trong các nhóm nhỏ, tìm kiếm khách hàng và giải quyết vấn đề.
- Họ chủ động và kiên trì.
- Nhanh chóng làm lại từ thất bại và rút ra bài học từ đó.

Để trở thành một cá nhân với định hình chữ T, không thể chỉ dừng lại ở kiến thức sâu và rộng. Nó đòi hỏi bạn phải có sự cân bằng và lanh lợi trong việc lựa chọn từ một tổ hợp những kiến thức và kỹ năng cần thiết.

👉 Nhiều sinh viên đang phụ thuộc vào những năm tháng đại học để nhồi nhét những kinh nghiệm sẽ định hình bản thân họ trong tương lai:

- Thư giãn và chờ đợi các giáo sư giảng bài.
- Tham gia vào hoạt động ở trường nhưng đó

### Chapter 2: What the economy needs, what employers want

#### I-shaped people

- People are only good at a certain expertise.

#### T-shaped individuals

- The idea of the T-shaped individual first emerged in the early 1990s.
- Express a person with many talents and knowledge.
- The vertical bar of the T represents a person's deep understanding of one subject matter (for example history).
- The horizontal stroke of T-shaped people is the ability to work across a variety of complex subject areas with ease and confidence.

The need for this ability is far greater today than it was two decades ago as the world becomes more complicated technologically.

We would rather hire people from a startup, acquire a start-up, or hire them from a failed start-up than hire people out of a university. Because:

- They have the know-how to work in small teams, find customers, and solve their problems.
- They have initiative and persistence.
- They recognize the need to spring back from failure quickly and learn from what went wrong.

There's more to being T-shaped than just having breadth and depth, however. It's also about having balance and the agility to pick and choose from a set of knowledge and skills as they are needed.

👉 Too many students depend on their undergraduate years to spoon-feed them the experiences that will shape them for the future:

- They sit back and wait for professors to deliver lessons in the classroom.

thường là hoạt động không quan trọng, vì vậy họ thiếu sự tham gia sâu sắc vào các hoạt động cung cấp những kỹ năng rất cần thiết cho thị trường việc làm.

- Thất bại trong việc nuôi dưỡng mối quan hệ với các giáo sư hoặc nhân viên trong trường

👉 Vấn đề là: Trường đại học không cung cấp những lớp học, chuyên ngành hay hoạt động được thiết kế dành riêng cho việc xây dựng một cá nhân với định hình chữ T.

Sinh viên đại học phải tự chủ động định hướng cho mình - hành động độc lập, xây dựng nguồn tài nguyên cho bản thân và nhanh chóng tích lũy những trải nghiệm trong và ngoài lớp học để chuẩn bị tốt hơn cho môi trường làm việc ngày càng phát triển trong tương lai.

### Những kỹ năng nhà tuyển dụng tìm kiếm

👉 Có 25 kỹ năng xuất hiện trong ¾ số quảng cáo tuyển dụng, bất kể đó là ngành nào

- Kỹ năng hàng đầu: giao tiếp, viết lách và tổ chức.
- Kỹ năng mềm: giao tiếp, làm việc với đội nhóm.  
+ Tấm bằng cử nhân trở nên ít tin cậy vì không chỉ ra được sinh viên có kỹ năng mềm không. Tấm bằng chỉ hầu như chỉ thể hiện sinh viên có khả năng hoàn thành một nhiệm vụ.

👉 Nhà tuyển dụng đang ngày càng bỏ qua bằng cấp và chú trọng vào những điều sau ở ứng viên:

1. Tò mò, đặt ra những câu hỏi và hãy học hỏi trong cả cuộc đời.
- Ở trường học, học sinh được tuyên dương cho việc đưa ra câu trả lời đúng, chứ không phải khi đặt ra câu hỏi. Học sinh mất dần khả năng đặt câu hỏi
  - Đại học là môi trường dựa vào các nhiệm vụ: tham gia kỳ thi, hoàn thành bài tập, tham dự buổi gặp mặt câu lạc bộ, đi thực hành. Trong khi đó, chốn công sở là nơi tập hợp những hoạt động không có lịch trình. Vì vậy, có khả năng hoàn thành mọi việc là năng lực khá quan trọng.

- They participate in campus life but too often from the sidelines, so they lack any deep engagement in activities that provide much-needed skills for the job market
- They fail to cultivate relationships with professors or staff on campus who might lend advice and act as mentors.

👉 Here's the problem: colleges don't offer classes, majors, or activities designed specifically for building the T-shaped individual.

So undergraduates need to direct themselves—to act independently, be resourceful, and cobble together experiences inside and outside the classroom to better prepare for the evolving workplace they will face in the future.

### Skills employers look for

👉 Twenty-five skills appeared in three out of every four job advertisements, no matter the industry.

- Top skills: communication, writing, and organizational skills.
- Soft skills: communication, team work.  
+ A bachelor's degree becomes less trustworthy because it does not indicate whether a student has soft skills. A degree mostly only represents a student's ability to complete a task.

👉 Employers are increasingly ignoring qualifications and focusing on the following in candidates:

1. Be curious, ask questions, and be a learner for life.
- In school, students are rewarded for having answers, not asking questions. Student lose the ability to asking questions.
  - College is very task based: take an exam, finish a paper, attend a club meeting, go to practice. Meanwhile, the workplace is more of a mash-up of activities with no scheduled end. Thus, being able to get stuff done is a capacity that is rather important.
  - Our industry is changing so fast that we can't depend on what students already know =>

- Và nền công nghiệp này đang thay đổi nhanh đến nỗi chúng ta không thể phụ thuộc vào những điều sinh viên đã biết.
- Sinh viên cần tìm kiếm để học hỏi, cần thử nghiệm những điều mới mẻ.  
(Khi phỏng vấn các ứng viên, nhà tuyển dụng có thể hỏi về những cuốn sách họ đã đọc, những bộ phim họ đã xem, hoặc nơi họ đã đi du lịch gần đây).

“Bạn muốn làm gì trong 5-10 năm nữa? Điều đó nói cho tôi biết khá nhiều điều về nguyện vọng và sự sáng tạo của họ. Nếu bạn ham muốn đạt được một vị trí nào đó, điều đó có nghĩa là bạn muốn học hỏi. Và nếu bạn ham học hỏi, bạn có thể làm bất kỳ việc gì”

2. Trau dồi chuyên môn, chấp nhận rủi ro, và học về ý nghĩa của sự gan dạ bền bỉ.
3. Mỗi công việc đều là một công việc kỹ thuật.
4. Học cách đối phó với sự mơ hồ.
5. Hãy khiêm tốn và học hỏi từ bạn bè và người hướng dẫn của mình.

student need to be more curious and be a life-long learner.

- Students need to seek to learn, need to try new things.

(When interviewing candidates, employers may ask about the books they have read, the movies they have seen, or where they have traveled recently).

“So I’ll ask, ‘What do you want to do in five or ten years?’ That tells you a lot about their aspirations and creativity. If you’re hungry to get somewhere, that means you want to learn. And if you want to learn, you can do any job.”

2. Build an expertise, take risk, and learn the meaning of grit.
3. Every job is a tech job.
4. Learn to deal with ambiguity.
5. Be humble and learn from your peers and mentors.

## Chương 3 - Chapter 3

### Chương 3: Những lợi ích của việc đi đường vòng

👉 Vào những năm 1970, một thanh thiếu niên có nhiều lựa chọn sau khi tốt nghiệp trung học:

- Kiếm một công việc lương cao.
- Đăng ký tham gia quân đội.
- Tìm kiếm một khóa học việc.
- Đi học đại học.

👉 Thanh niên ngày nay chỉ có 2 lựa chọn:

- Quân đội.
- Đại học.

Quãng nghỉ là điều quý giá chỉ đến một lần trong đời, cho phép sinh viên được bước ra khỏi con đường vốn có và tự xem xét lại bản thân.

Đây là thời điểm để lùi lại và suy nghĩ, để tìm ra những quan điểm về giá trị và mục đích cá nhân, hoặc để tích lũy kinh nghiệm cuộc sống cần thiết

Sau khi trải qua một quãng nghỉ rồi mới đi học đại học, các sinh viên học tập nghiêm túc hơn và không tham gia vào những hành vi rủi ro như đua xe, nghiện rượu.

👉 Những kiểu quãng nghỉ sinh viên có thể cân nhắc:

- Quãng nghỉ dành một năm cho những chuyến du hành
  - + Du hành là công cụ học tập mạnh mẽ dành cho những người chớm tuổi trưởng thành. Nó yêu cầu họ phải đặt ra các câu hỏi và kết nối với những người khác để suy nghĩ về những khung cảnh họ đang nhìn thấy, để thích nghi với các ngôn ngữ, văn hóa và ẩm thực mới.
  - + Nó mang lại cho họ quan điểm về vị trí của bản thân trên thế giới, đặc biệt là với sự ám ảnh của họ về kết quả học tập.
  - + Quãng nghỉ cũng khuyến khích họ mạo hiểm hơn.
- Quãng nghỉ một năm dành cho việc học tập:
  - + 1/3 số học sinh tốt nghiệp trung học không đủ khả năng theo học những môn dành cho sinh viên năm nhất.

### Chapter 3: The benefits of a detour

👉 As recently as the 1970s, a teenager had a number of options after graduating from high school:

- Get a good-paying job right away.
- Enlist in the military.
- Find an apprenticeship in a trade.

👉 A teenager today really has only two of those options:

- Military.
- College

The gap year is a jewel that comes one time in life, allowing students to step away and get a good read on who you really are.

It is a time to step back and reflect, to gain perspective on personal values and goals, or to gain needed life experience in a setting separate from and independent of one's accustomed pressures and expectations.

Gap-year students arrive on campus, they take their studies more seriously and don't engage in risky behavior, such as alcohol abuse.

👉 Types of breaks students can consider:

- The Travel Gap Year
  - + Travel is a powerful learning tool for emerging adults. It requires them to ask questions and engage with others who are different, to reflect on the scenes they are seeing, and, perhaps most of all, to adapt to new languages, cultures, and food.
  - + It gave them perspective about their place in the world, particularly with the obsession most of them had about their academic performance.
  - + It encouraged them to take more risks.
- The Academic Gap Year
  - + Almost a third of high school graduates are not prepared academically for first-year college courses.

+ Nên xây dựng chương trình quãng nghỉ theo bốn yếu tố kết hợp: các khóa học đại học, việc làm, khám phá nghề nghiệp qua những kỳ thực tập, và quan trọng nhất là chi phí dưới 8.000 đô la.

+ Nếu không có yếu tố học thuật trong quãng nghỉ, e rằng điều đó khiến những kỹ năng mà sinh viên học được ở trung học bị thui chột. Và họ sẽ mất đi toàn bộ sự hứng thú theo học đại học.

+ Một quãng nghỉ trước khi học đại học kết hợp với một vài khóa học cùng những công việc có ý nghĩa có thể mang lại sự thay đổi ngoạn mục mà nhiều sinh viên đang mong mỏi, cùng với đó là cảm giác tập trung mà trước đây họ còn thiếu.

#### **Quãng nghỉ một năm để khám phá những công việc có ý nghĩa:**

- Sinh viên dành thời gian làm những công việc khác nhau để khám phá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, xem mình thích gì, phù hợp với đặc điểm công việc như thế nào.

#### **Quãng nghỉ kéo dài mãi mãi**

- Điển hình là phong trào nghỉ học đại học và khởi nghiệp tại Mỹ.
- Nhiều sinh viên gap year và sau đó chần chừ quay lại trường học, dẫn do vì học phí quá đắt phải trả cho 4 năm. Do đó, họ quyết định không quay trở lại trường học.

+ Should build a gap year that combined four elements: college courses, work, career exploration through internships, and, most important, a total price tag under \$8,000.

+ Without an academic component to a gap year, they worried that struggling students would allow the skills they developed in high school to deteriorate even further during the break and lose interest in going to college at all.

+ A year off before college that combines a few courses with meaningful work could spark the academic turnaround that many of those students desperately need and a sense of focus they previously lacked.

#### **A gap year to explore meaningful work**

- Take a year off to explore meaningful work. Students spend time doing different jobs to discover their own strengths and weaknesses, see what they like, and how it fits the job characteristics.

#### **The Permanent Gap Year**

- A typical example is the movement to drop out of college and start a business in the US.
- Many students take a gap year and then hesitate to return to school, hesitant because the tuition is too expensive to pay for 4 years. Therefore, they decided not to return to school.

## Chương 4 - Chapter 4

### Chương 4: Vì sao vị trí trường đại học lại là một vấn đề?

Nhiều trường đại học trở thành trung tâm kinh tế và văn hóa của khu vực.

- ✦ Nhiều sinh viên và các bậc phụ huynh thường nghiên cứu một cách cẩn thận vị trí của một trường học trên bản đồ với các tiện nghi xung quanh:
  - Ở đó có đủ các nhà hàng và quán bar không?
  - Nơi đó có gần biển hay núi không?

Khi sự quan trọng của những trải nghiệm ngoài khuôn viên trường đại học ngày càng lớn, những sinh viên học tại các ngôi trường heo lánh (đặc biệt là những nơi không có thương hiệu, hoặc những trường không có nguồn tài chính dồi dào) sẽ khó có thể tìm được những chương trình thực tập hay kinh nghiệm làm việc ở gần đó để học những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng cần.

Một số trường đại học “hot” nhất đều nằm ở khu trung tâm, bởi vì thành phố với nền kinh tế đa dạng và tân tiến mang đến cho các sinh viên đại học ngày nay cơ hội có thể kết hợp việc học tập và trải nghiệm công việc một cách đều đặn trong năm.

- ✦ Vì thế nên các trường đại học hàng đầu ở khu vực thành thị cân nhắc lại việc mở rộng khuôn viên trường hoặc khu vực đường phố xung quanh:
  - Đại học Pennsylvania đầu tư hàng trăm triệu đô-la vào các cửa hàng bán lẻ, một khách sạn, một trường công lập và khuyến khích cán bộ nhân viên mua nhà quanh đó.Vì vậy, khu vực xung quanh trường đã được cải thiện và kéo theo số lượng sinh viên đăng ký học cũng như vị trí xếp hạng của trường.

- ✦ Sự xuất hiện của trường đại học thành phố hiện đại: kết hợp môi trường thành phố vào các hoạt động và chương trình học của trường đại học. Ví dụ:
  - Ở khu vực trường đại học American (AU), Hệ thống xe buýt của trường có mặt ở khắp mọi nơi, được trang trí với những cụm từ về sinh viên, khoa giảng dạy hoặc hội sinh viên của

### Chapter 4: Why a college's location matters

The schools turned into the economic and cultural hub of their towns.

- ✦ Students and their parents have typically scrutinized a school's place on a map with regard to the surrounding amenities:
  - Are there enough restaurants and bars?
  - Is it close to the beach or the mountains?

As the importance of off-campus experiences increases, students at schools in out-of-the-way places—especially areas without strong regional or national brands or colleges without deep pockets—often struggle to find the kinds of internships and work experiences nearby that are necessary to gain the skills employers want.

Some of the “hottest” universities—those that have improved their reputations dramatically in recent years—are in metropolitan areas, because cities with diverse and innovative economies offer today's college students a constant churn of classroom learning and work experience throughout the year.

- ✦ Therefore, leading universities in urban areas are reconsidering expanding their campus or surrounding street areas:
  - University of Pennsylvania, which in the late 1990s invested hundreds of millions of dollars in retail stores, a hotel, and a public school and encouraged university employees to buy homes in the neighborhood.Vì vậy The streets around Penn improved and so did the university's application numbers and rankings.

- ✦ The Emergence of the Modern Urban University: incorporating the city environment into university activities and curriculum. For example:
  - In American University area, the university's fleet of shuttle buses were ubiquitous, each emblazoned with a phrase about its students,

trường.

- Trường mở những lối đi bộ xung quanh thành phố, không có bất cứ rào cản vật lý nào.
- Coi thành phố như phòng thí nghiệm cho sinh viên.
- Sự đa dạng của nền kinh tế địa phương có thể mở ra những cơ hội thực tập cho sinh viên (84% sinh viên AU tham gia ít nhất hai chương trình thực tập trước khi tốt nghiệp).
- Đại học New York (NYU) và Đại học George Washington (GW) đều tập trung vào việc xây dựng những chuyên ngành kết nối họ với những ngành nghề nổi tiếng của thành phố - kịch và phim ảnh ở NYU, y tế công cộng và truyền thông ở GW.
- Nếu sinh viên không chắc chắn về chuyên ngành hoặc nghề nghiệp tương lai của mình, hãy tìm kiếm những thành phố mà các chuyên gia của lĩnh vực đó đang sinh sống. Hãy bắt đầu nghiên cứu các trường đại học xung quanh địa điểm đó hoặc chắc chắn rằng mình sẽ đi thực tập ở những công ty này.

👉 Ở chiều ngược lại, Minerva - một trường đại học trực tuyến - ra đời với mục đích: những sinh viên xuất sắc nhất có thời gian để học và có khả năng đi bất cứ đâu.

- Mỗi năm sinh viên sẽ di chuyển vòng quanh thế giới.
- Sinh viên tham gia lớp học vào buổi sáng, tự do vào buổi chiều để tham gia chương trình thực tập hoặc khám phá thành phố.
- Nếu bạn đã chắc chắn về điều mà mình muốn làm trong cuộc đời, hãy tìm kiếm các thành phố có những chuyên gia hoặc người sở hữu kỹ năng mà bạn mong muốn, sau đó đi học hoặc thực tập ở đó. Như Minerva đã cố gắng thể hiện rằng, trong thế kỷ XXI, bạn có thể học ở bất kỳ đâu, nhưng bạn không thể ứng dụng những kiến thức đó ở mọi nơi.

faculty, or alumni.

- Crossed the campus, noticed how open it was to the surrounding city sidewalks. There were no physical barriers here.
- See the city as our laboratory for students.
- The diversity of the local economy can open up internship opportunities—84 percent of AU students intern at least twice before they graduate.
- Both New York University and George Washington University focused on building majors that connected them to what their cities were well known for—drama and film at NYU and public health and media at GW.
- If you're sure of your major or future career, look for the cities where professionals in that field live. Start your college search around those places or be sure to intern in them.

👉 On the other hand, Minerva - an online university - was born with the purpose: the best students have time to study and have the ability to go anywhere.

- Every year students move around the world.
- Students attend classes in the morning and are free in the afternoon to participate in an internship program or explore the city.
- If you're sure of what you want to do in life, look for the cities where professionals who have the skills you want to acquire already live and then either go to college there or intern there. As Minerva is trying to show, in the twenty-first century you can learn almost anywhere, but you can't apply that learning everywhere.

## Chương 5 - Chapter 5

### Chương 5: Kiến thức thực tế cho một công việc

“Nói với tôi và tôi sẽ quên; chỉ bảo tôi và tôi sẽ nhớ; cho tôi tham gia và tôi sẽ học”

- Tuân Tử, Nhà hiền triết Nho giáo

Kiến thức được tích lũy qua việc chúng ta làm.

#### Internships:

- Một công việc tốt sau khi tốt nghiệp phần nhiều phụ thuộc đầu tiên vào những công việc thực tập đúng đắn trong thời đại học.
- Chẳng có công ty nào muốn trở thành công ty chính thức đầu tiên với những sinh viên mới tốt nghiệp mà chưa bao giờ đi làm hoặc chưa bao giờ thực tập ở bất kỳ đâu.
- Facebook thống kê rằng kết quả làm việc của nhân viên không liên quan gì đến việc họ học đại học ở đâu. Đặc điểm chung giữa những nhân viên xuất sắc nhất của công ty là họ đều đã từng thực tập tại Facebook.
- Với các công ty, tuyển dụng thực tập sinh chính là việc dùng thử trước khi mua một thứ gì đó.
- Những người đã tham gia một chương trình thực tập hoặc làm một công việc cho phép họ vận dụng những điều đã học có xu hướng gắn kết với cuộc sống và công việc gấp hai lần.

#### Các chương trình hợp tác: chuyển giao kiến thức giữa học và làm

- Trong khi thực tập là một hoạt động bổ sung vào một tấm bằng, thì chương trình hợp tác là một phần của trải nghiệm học đại học, chiếm khoảng  $\frac{1}{3}$  đến gần một nửa thời gian học đại học của sinh viên.
- Sinh viên được làm quen với việc cân bằng khoảng cách giữa môi trường lớp học và thế giới công việc.

#### Sự phát triển của những chương trình học việc thế kỷ XXI.

### Chapter 5: Hands-on learning for a career

“Tell me and I forget; teach me and I may remember; involve me and I will learn.”

— XUNZI, CONFUCIAN PHILOSOPHER

We like to learn by doing.

#### Internships:

- A good job after graduation largely depended on first getting the right internships in college.
- No one wants to be the first full-time employer anymore of new college graduates who haven't worked or interned anywhere.
- Facebook statistics that employee performance has nothing to do with where they went to college. The common characteristic among the company's best employees is that they all interned at Facebook.
- For companies, recruiting interns is about trying something before buying something.
- Those who had had an internship or job that allowed them to apply what they were learning were twice as likely to be engaged in their life and work.

#### Co-op Programs: Transferring Knowledge Between Learning and Work

- While internships are an add-on to a degree, coops are part and parcel of the undergraduate experience, making up anywhere from one-third to almost half of the time a student spends in school.
- Students are used to balancing the gap between the classroom environment and the world of work.

#### The Rise of Twenty-First-Century Apprenticeships



Với chương trình học việc, sinh viên vừa học vừa làm và được trả lương để đảm bảo chi phí sinh hoạt trong suốt quá trình học.

Rất nhiều bậc phụ huynh tự hào khoe khoang khi con cái họ được nhận vào một trường đại học, và họ sẽ cảm thấy hổ thẹn nếu con cái mình bỏ qua đại học và tham gia kỳ học việc.

👉 Thụy Sĩ là ví dụ điển hình cho thấy lợi ích của việc học nghề.

- Nền giáo dục bắt buộc sẽ kết thúc ở lớp 9. Từ đó, học sinh được chọn con đường học thuật hoặc con đường học nghề.
- Chỉ ¼ sinh viên Thụy Sĩ chọn con đường học thuật. Con đường học thuật hạn chế vào một số ngành như y dược và những nghề yêu cầu giáo dục đại học.
- Gần 70% học sinh lựa chọn học nghề.
- Bắt đầu từ lớp 10, học sinh luân chuyển qua ba nơi khác nhau để tham dự chương trình học nghề - nhà tuyển dụng, các tổ chức công nghiệp để tham gia đào tạo và trường học - trong thời gian 3-4 năm.
- Con đường học nghề đưa họ vào môi trường làm việc ngay lập tức.

Kết quả: Thụy Sĩ có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi thanh niên thấp nhất ở châu Âu và chỉ bằng khoảng một nửa so với Mỹ.

### Tự học

- Khi sinh viên tự chịu trách nhiệm về việc học của bản thân, họ dường như ít hứng thú hơn với việc đạt điểm A và sẵn sàng chấp nhận rủi ro hơn bằng cách theo đuổi tham vọng của mình.
- Nhiều trường đại học mở những không gian sáng tạo được thiết kế theo xu hướng DIY (tự mình làm). Những dụng cụ phổ biến như: máy in 3-D, dụng cụ làm đồ gỗ, máy cắt công nghiệp). Mục tiêu là thu hút sinh viên, kỹ sư, doanh nhân đến trao đổi ý tưởng và kỹ năng để phát triển sản phẩm cho cá nhân hoặc tập thể.

With the apprenticeship program, students study while working and are paid to ensure living expenses during their studies.

Many parents proudly boast when their children are accepted into a university, and they would feel ashamed if their children skipped university and took an apprenticeship.

👉 Switzerland is a prime example of the benefits of vocational training.

- Compulsory education ends in grade 9. From there, students can choose an academic or vocational path.
- Only a quarter of Swiss students choose an academic path. Academic pathways are limited to certain fields such as medicine and professions that require university education.
- Nearly 70% of students choose vocational training.
- Beginning in the tenth grade, students rotate among three places for their apprenticeships—employers, industry organizations for training, and school—over the course of three to four years.
- The apprenticeship track immediately puts them into a work setting.

As a result, Switzerland has a youth unemployment rate that is the lowest in Europe and about half that of the United States.

### Self-Directed Learning

- When the students were in charge of their own learning, they seemed less interested in what they needed to do to get an A and were willing to take more risks by following their ambition.
- Many universities open creative spaces designed according to the DIY (do it yourself) trend. Common tools such as: 3-D printers, woodworking tools, industrial cutting machines). The goal is to attract students, engineers, and entrepreneurs to exchange ideas and skills to develop products for individuals or groups.

# Chương 6 - Chapter 6

## Chương 6: Học cách khởi đầu

### Lợi ích của những khóa học cấp tốc ngắn hạn

- Có sáng kiến tên là Koru của Kristen Hamilton, một cựu chuyên viên cấp cao của Microsoft, và Josh Jarrett, người đứng đầu chương trình cải tiến giáo dục bậc cao của Tổ chức Bill & Melinda Gates.
- Koru được thiết kế để hoàn thiện những điểm còn thiếu sót trong hồ sơ của sinh viên và nối liền khoảng cách đang tồn tại giữa những điều nhà tuyển dụng mong muốn và những điều trường đại học thực sự đào tạo.
- Koru sẽ đưa sinh viên vào một chương trình chuyên sâu kéo dài trong ba tuần rưỡi, bao gồm một dự án thực tế và đầy thử thách.
- Những khóa cấp tốc từ 3-4 tuần về những nền tảng kinh doanh, giúp những sinh viên mới tốt nghiệp có ít hoặc không có kinh nghiệm gì trong việc phân tích bảng cân đối kế toán có thể tạo lập một bài thuyết trình bán hàng, hoặc thiết kế một chiến lược.

### Bảy năng lực để thành công tại những công ty tăng trưởng nhanh

- Sự can đảm
- Sự nghiêm khắc
- Sự ảnh hưởng
- Làm việc nhóm
- Sự tò mò
- Sự làm chủ
- Sự đánh bóng

### Những mẹo nhỏ để khởi đầu từ trường đại học

- **Tìm ra nhịp điệu một ngày của bạn**  
+ Sinh viên đi làm khi còn đi học sẽ có thể phân bổ thời gian hiệu quả hơn, học được những quy tắc và trách nhiệm nơi làm việc.  
  
+ Một công việc sẽ dạy cho sinh viên học cách có mặt đúng giờ, giữ đúng lịch trình, hoàn

## Chapter 6: Learning to launch

### Benefits of short-term intensive courses

- Koru is the brainchild of Kristen Hamilton, a former Microsoft executive, and Josh Jarrett, who headed up the higher education innovation programs at the Bill & Melinda Gates Foundation.
- Koru is designed to fill the gaps in students' résumés and bridge the divide between what employers want and what colleges actually teach.
- Koru will take students through an intensive three-and-a-half-week program that includes a challenging and practical project.
- 3-4 week intensive courses in business fundamentals help new graduates with little or no experience in balance sheet analysis create a sales presentation, or design a strategy.

### The Seven Competencies for Success in Fast-Growing Companies

- Grit
- Rigor
- Impact
- Teamwork
- Curiosity
- Ownership
- Polish

### Tips for Launching from College

- **Find a Rhythm to Your Day**  
+ Students who work while still in school will be able to allocate their time more effectively and learn workplace rules and responsibilities.  
  
+ A job will teach students how to show up on time, stay on schedule, complete a list of tasks,

thành một danh sách các nhiệm vụ, chịu trách nhiệm với quản lý của mình.

- **Xem xét những mẫu hình về việc thất bại như thế nào:**

+ Sinh viên hiếm khi nhìn thấy những ví dụ tốt đẹp về sự thất bại trong cuộc sống hằng ngày vì cha mẹ và thầy cô thường che giấu lỗi lầm.  
+ Sinh viên được khuyến khích làm theo những ví dụ thành công.

Sinh viên hiếm khi dám thử nghiệm để thất bại và sợ sai.

+ Cần học hỏi từ các công ty khởi nghiệp vì họ có tôn chỉ: Thất bại nhanh và rẻ, hãy dừng lại khi bạn thất bại và điều chỉnh ý tưởng trước khi bạn tiêu tốn quá nhiều thời gian hoặc tiền bạc.

+ Điều mà các chương trình cầu nối làm tốt là giúp sinh viên chấp nhận thất bại thông qua những dự án của họ, bởi những lời nhận xét không liên quan đến điểm số được đưa ra giúp cải thiện công việc của họ trong một khoảng thời gian ngắn.

- **Nuôi dưỡng cảm giác tự tin:**

+ Thời đại của những “phụ huynh máy bay trực thăng” (những người luôn giúp đỡ con cái mình làm tất cả mọi việc) và những “phụ huynh cần gạt tuyết” (những người loại bỏ hết rào cản của con cái mình) đã khiến sinh viên bước vào trường đại học mà không có kinh nghiệm làm bất cứ việc gì liên quan đến mình.

Đại đa số sinh viên tốt nghiệp đại học thường thiếu tự tin khi ở trong môi trường làm việc.

- **Tìm kiếm một người hướng dẫn:**

+ Sinh viên cần chủ động và tự tin tìm kiếm sự giúp đỡ từ các giáo sư ở trường đại học, hoặc người hướng dẫn ở chương trình thực tập. Họ sẽ đem đến cho sinh viên nhiều chia sẻ quý giá, kinh nghiệm và bài học sâu sắc.

and be accountable to their manager.

- **See Models for How to Fail:**

+ Students rarely see good examples of failure in everyday life because parents and teachers often hide mistakes.

+ Students are encouraged to follow successful examples.

Students rarely dare to experiment to fail and are afraid of being wrong.

+ Need to learn from startups because they have a principle: Fail fast and cheap, stop when you fail and adjust your idea before you spend too much time or money.

+ What bridge programs do well is help students accept failure through their projects, because the non-grade-related feedback provided helps improve their work over a period of time.

- **Cultivate a Sense of Confidence:**

+ The age of “helicopter parents” (those who help their children do everything) and “snowplow parents” (those who remove all barriers for their children) has come, causing students to enter university with no experience in doing anything relevant to them.

The vast majority of university graduates often lack confidence in the working environment.

- **Find a mentor:**

+ Students need to proactively and confidently seek help from professors at the university, or instructors at the internship program. They will bring students many valuable shares, experiences and profound lessons.

## Chương 7 - Chapter 7

### Chương 7: Thiết kế lại tấm bằng cử nhân

Tấm bằng cử nhân thông thường được tính trên hoàn thành 120 giờ tín chỉ

Đó chỉ đơn thuần đo lường thời gian dành cho việc học nên nhà tuyển dụng không thấy được gì ở ứng viên có bằng cử nhân.

Nhiều trường đại học đã thiết kế lại tấm bằng cử nhân bằng cách lồng ghép các chương trình thực hành, dự án thực tế để học sinh được trải nghiệm trong quá trình học.

Sinh viên biết cách lý thuyết được áp dụng vào thực tế.

### Chapter 7: Redesigning the bachelor's degree

A bachelor's degree is typically based on completion of 120 credit hours

It simply measures the time spent studying, so employers cannot see anything in candidates with a bachelor's degree.

Many universities have redesigned bachelor's degrees by integrating practical programs and real-life projects for students to experience during their studies.

Students know how theory is applied in practice.

## Chương 8 - Chapter 8

### Chương 8: Giáo dục, được truyền tải vừa đúng thời điểm

#### Ý tưởng “đại học vòng tròn mở”

- Bạn ứng tuyển vào Đại học Stanford và được chấp nhận. Thay vì một chương trình đào tạo bốn năm thông thường, Stanford nhận bạn vào trường với một chương trình học sáu năm mà bạn có thể học vào bất kỳ thời điểm nào trong cuộc đời.
- Ý tưởng “đại học vòng tròn mở” được phát triển từ năm 2014 bởi ngôi trường nổi tiếng Stanford.
- Ý tưởng đã thách thức khái niệm về việc giáo dục phải diễn ra tại một thời điểm nhất định trong cuộc đời một con người.
- Với mô hình mới này, sinh viên có thể bắt đầu học đại học khi họ đã sẵn sàng ở bất cứ độ tuổi nào.
- Họ có thể “chạy ra khỏi vòng tròn” sau hai năm để làm việc cho một công ty khởi nghiệp và “quay lại vòng tròn” một vài năm sau đó nếu công ty này thất bại.

#### Những hình thức giáo dục trong thời kỳ mới:

- Các trại huấn luyện: dạy những kỹ năng cơ bản, cần thiết cho sinh viên. Như lập trình, thuyết trình.
- Khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs): nhiều trường đại học ưu tú đang cung cấp các khóa học trực tuyến miễn phí thông qua hai tổ chức lớn: Coursera và edX.
- Nguồn tài nguyên học tập kỹ thuật số: học từ Youtube, hay các nền tảng như Khan Academy - phục vụ khoảng 10 triệu người mỗi tháng với 5.000 video.

### Chapter 8: Education, delivered just in time

#### The idea of "open circular university"

- You applied to Stanford University and were accepted. Instead of a typical four-year program, Stanford offers a six-year program that you can take at any point in your life.
- The idea of "open circular university" was developed in 2014 by the famous school Stanford.
- The idea challenged the notion that education must take place at a certain point in a person's life.
- With this new model, students can start college when they are ready at any age.
- They can “run out of the circle” after two years to work for a startup and “come back in” a few years later if the company fails.

#### Forms of education in the new era:

- Boot Camps: teaching basic and necessary skills for students. Like programming, presentations.
- Massive Open Online Courses (MOOCs): Many elite universities are offering free online courses through two major organizations: Coursera and edX.
- Digital Learning Resources: Learn from Youtube, or platforms like Khan Academy - serving about 10 million people each month with 5,000 videos.

## Chương 9 - Chapter 9

### Chương 9: Nhà tuyển dụng tuyển người như thế nào?

Các nhà tuyển dụng thường không biết mình mong muốn gì.

Thất bại trong việc lập kế hoạch tuyển dụng dài hạn.

Các buổi phỏng vấn phần lớn dựa trên bản năng, phụ thuộc nhiều vào hiệu ứng hào quang của những chứng chỉ.

Việc ứng tuyển và phỏng vấn ở hầu hết các tổ chức đều thiếu đi sự minh bạch

Hầu hết các công ty lớn đều di chuyển đến những sự kiện tuyển dụng mỗi năm, theo một nhóm “trường cốt lõi” mà họ đã tìm ra.

- Đến thăm trường đại học họ đã thành công trong quá khứ - dựa trên số lượng sinh viên chấp nhận lời đề nghị làm việc, chứ không phải là những sinh viên phù hợp nhất.
- Một số nhà tuyển dụng, như các công ty tư vấn, các thương hiệu quốc tế và một số công ty công nghệ, luôn giữ danh sách các trường mục tiêu của họ tương đối ít.
- Họ có xu hướng chỉ tuyển dụng từ các trường xếp những thứ hạng cao nhất.

Hãy chuẩn bị cho sự thất vọng: một số nhà tuyển dụng sẽ từ chối bạn chỉ bởi vì ngôi trường bạn theo học.

Tấm bằng đại học vẫn là công cụ sàng lọc đầu tiên đối với gần như tất cả các tổ chức. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa biết liệu tấm bằng có còn giá trị trong tương lai nữa hay không.

**Có 3 sự phát triển chính đã khiến con đường từ đại học đến một sự nghiệp ngày càng trở nên biến động so với trước đây:**

- Quy mô và cấu trúc của những công ty tuyển dụng: xuất hiện thêm nhiều nhà tuyển dụng nhưng họ tuyển ít hơn.
- Nhà tuyển dụng nâng cao yêu cầu kỹ năng mà nhân viên cần có để bắt đầu công việc và ít chú ý hơn tới chương trình đào tạo cho nhân viên.

### Chapter 9: How employers hire

Employers often didn't know what they wanted.

Employers fail to plan very far in advance for their hiring needs.

Evaluate candidates during interviews based largely on gut instinct, and rely heavily on the halo effect of credentials from a small set of elite schools.

The application and interview practices at most organizations are far from transparent.

Most big companies still travel to campus recruiting events each year at a group of “core schools” they have identified.

- They decide on which schools to visit based on where they have found success in the past—usually defined by the numbers of students who accepted job offers, not necessarily those who were the best match.
- Some employers, such as consulting companies, international brands, and some tech companies, keep their list of target schools deliberately small.
- They tend to recruit only from the very top of the college rankings.

Be prepared for disappointment: some employers will reject you simply because of the school you attended.

A college degree remains the first screening tool for nearly all institutions. However, we still do not know whether the degree will still be valuable in the future.

**Three main developments that make the road from college to career more treacherous now than it was for graduates even a decade ago.**

- The size and makeup of companies recruiting on campuses has shifted: More employers appear but they recruit less.
- Employers increase the skill requirements that employees need to start a job and pay less attention to employee training programs.

- + Người trẻ phải tự tích lũy những kinh nghiệm này
- + Nhiều công ty đang tuyển dụng dựa trên nhu cầu đột xuất, vì vậy sinh viên sẽ không kịp chuẩn bị kỹ năng để sẵn sàng cho công việc.
- Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế ngày nay
  - + Toàn bộ lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi công nghệ và sự toàn cầu hóa.
  - + Trường đại học đang chịu nhiều áp lực lớn hơn bao giờ hết trong việc định hướng, hỗ trợ sinh viên tìm kiếm những con đường chính xác nhất.

**Có một số cách để các nhà tuyển dụng sàng lọc và lựa chọn trong số những ứng viên tiềm năng:**

- Sàng lọc từ những tài liệu mà các ứng viên nộp (thư xin việc, hồ sơ cá nhân và đơn ứng tuyển)
  - Sàng lọc từ những điều thể hiện trên phạm vi cộng đồng (ví dụ như hồ sơ LinkedIn)
  - Sàng lọc qua phần mềm kiểm tra ứng viên
    - + Nó tìm kiếm từ khóa trong hồ sơ của ứng viên và tự động loại bỏ các hồ sơ không có những yêu cầu cần thiết đó.
  - Sàng lọc qua các cuộc phỏng vấn:
    - + Đây là quá trình mang tính chủ quan, được thực hiện chủ yếu bởi các nhà quản lý không có kinh nghiệm, hoặc không được đào tạo về mảng phỏng vấn hoặc tuyển dụng.
- + Các nhà nghiên cứu đã tìm ra rằng, những cuộc đối thoại không có cấu trúc sẽ không có hiệu quả.  
=> Đó là lý do vì sao các công ty nổi tiếng với việc tuyển dụng thành công (như Google) luôn sử dụng các cuộc phỏng vấn có cấu trúc.
- + Yếu tố lớn nhất của cuộc phỏng vấn là từ rất mơ hồ và khó hình dung: “sự phù hợp”.
- Trong hầu hết các trường hợp, người phỏng vấn muốn tuyển dụng những người giống như họ, các ứng viên khiến cơ thể họ xảy ra phản ứng hóa học (giống như cách mà bạn đánh giá ai đó trong buổi hẹn hò, hoặc ai đó bạn muốn làm quen vào tại sân bay trong khoảng thời gian dài bị hoãn giờ bay)
  - Thiện cảm với một ứng viên thường đến

- + Young people must accumulate these experiences themselves
- + Many companies are recruiting based on sudden needs, so students will not have time to prepare skills to be ready for the job.
- The increased velocity of today's economy
  - + Entire industries have been influenced by technology and globalization in recent years.
  - + Universities are under greater pressure than ever to orient and support students in finding the most correct paths.

**There are a number of ways for employers to screen and choose among potential candidates:**

- Screening from documents submitted by candidates (cover letter, personal profile and application)
  - Screening from community representations (e.g. LinkedIn profiles)
    - Screening through candidate testing software
      - + It searches for keywords in candidates' resumes and automatically eliminates resumes that do not have those necessary requirements.
  - Screening through interviews:
    - + This is a subjective process, performed mainly by managers who have no experience, or are not trained in interviewing or recruiting.
- + Such unstructured conversations have been found by researchers to be highly ineffective. => That's why companies known for their successful hiring practices, such as Google, instead use structured interviews where candidates are asked a consistent list of questions by everyone they meet with clear guidelines for assessing their responses.
- + The biggest of factors for successful interview was a fuzzy term we all use, called “fit.”
- In most cases, interviewers wanted to hire people like themselves, applicants with whom they shared a certain chemistry, in the same way you might evaluate someone you're on a date with, or someone you would want to be stuck next to in an airport during a lengthy

từ những hoạt động chung sở thích, như du lịch hay thể thao.

- Nếu để tự bản thân họ chọn, những người phỏng vấn sẽ tập trung vào việc tuyển dụng những người họ muốn làm việc cùng hơn là những người sẽ làm việc tốt.

### **Phân tích con người**

Khái niệm được xuất hiện ở hội thảo của Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania vào năm 2014.

#### **Sự ra đời của mảng “phân tích con người”:**

- Bộ phận nhân sự tại các công ty lớn đã nhận ra rằng nhân viên của họ rất giống với những nhân tài trên sân bóng chày hoặc sân bóng rổ
- Vì thế, họ bắt đầu khai thác hàng loạt dữ liệu để tìm ra lý do vì sao và như thế nào mà nhân viên của họ được tuyển dụng, sa thải và thăng tiến.

#### **Phân tích con người và tuyển dụng thông qua trò chơi**

- Ví dụ: Knack - công ty chuyên sản xuất các trò chơi điện tử cho điện thoại thông minh.
- Trò chơi của Knack không đơn thuần là phục vụ cho việc giải trí, chúng có thể đo lường khả năng xoay sở, lập luận các con số và chấp nhận rủi ro của người chơi.
- Đo lường khả năng lựa chọn sự ưu tiên, giải quyết vấn đề, học hỏi từ sai lầm - tất cả những kỹ năng mà một nhà tuyển dụng tìm kiếm.

delay

- Rapport with a candidate often came through shared activities, such as travel or sports.
- Left on their own, the interviewers focused on hiring people they'd prefer to work with rather than hiring people who would be good at the organization.

### **People analytics**

IN 2014, Penn's Wharton School hosted a sold-out conference on the topic

#### **The birth of people analytics:**

- Human resources offices at major companies have realized in recent years that their employees are a lot like the talent on a baseball field or a basketball court.
- So they have begun to harness thousands of pieces of data to figure out why and how their workers are hired, fired, and promoted.

#### **People analytics and recruitment through games**

- For example: Knack - a company specializing in producing video games for smartphones.
- Knack's games are not simply for entertainment, they can measure the player's ability to manage, reason with numbers and take risks.
- Measures the ability to prioritize, solve problems, learn from mistakes - all skills an employer looks for.



# Chương 10 - Chapter 10

## Chương 10: Kể câu chuyện về sự nghiệp của bạn

### Nhà tuyển dụng tìm kiếm điều gì sau câu chuyện của bạn?

- Nhà tuyển dụng luôn muốn nghe câu chuyện của ứng viên tiềm năng để tìm kiếm kỹ năng mềm quan trọng: thái độ kiên trì với sự mơ hồ, trải nghiệm sự thất bại, và tinh thần sẵn sàng học hỏi.
- Người phỏng vấn thăm dò câu chuyện quá khứ của một người để có được đánh giá về động lực ngầm của họ.
- Nhà tuyển dụng đang tìm kiếm lý do đằng sau những quyết định của bạn và những tình huống mà bạn gặp phải trước đây có thể so sánh với những tình huống mà bạn sẽ đối diện trong công việc như thế nào.

### Xây dựng câu chuyện qua:

- Những cuốn sách.
- Những bộ phim.
- Những chuyến du lịch.

### Tham khảo những câu hỏi lớn cần trả lời khi xây dựng câu chuyện về sự nghiệp của bản thân:

- Những trải nghiệm học tập và làm việc tại trường đại học nói gì về tôi? Liệu chúng có tiết lộ được những điều hứng thú và đam mê cốt lõi của tôi?
- Tôi thích và làm việc tốt trong môi trường như thế nào?
- Tôi đã trải qua những sự thất bại nào trong thời gian học đại học, và tôi đã học được bài học gì từ sự thất bại đó?
- Công việc gì sẽ mang lại cho tôi cảm giác hoàn thiện?
- Tôi muốn bản thân ở đâu trong 5 năm tới?

## Chapter 10: Telling your career story

### What do employers look for in your story?

- Employers always want to hear potential candidates' stories to find important soft skills: a persistent attitude toward ambiguity, experience with failure, and a willingness to learn.
- The interviewer probes a person's backstory to get an assessment of their underlying motivations
- Employers are looking for the reasons behind your decisions and how situations you've encountered in the past compare to situations you'll face on the job.

### Build stories through:

- Books.
- Movies.
- Tourist attraction.

### Refer to the big questions that need to be answered when building your career story:

- What do my work and study experiences in college say about me?
- Do they reveal my core interests and passions?
- What kind of working environments do I enjoy and do well in?
- What failures did I experience in college, and what lessons did I learn from them?
- What kind of job would give me a sense of fulfillment?
- Where do I want to be in five years?

“Điều bạn làm trong trường đại học quan trọng hơn nơi bạn theo học đại học.”  
“What you do in college is more important than where you go to college.”